

Phụ lục V**BIỂU PHÍ E - BIỂU PHÍ SPDV LIÊN QUAN ĐẾN BẢO LÃNH DÀNH CHO KHDN**

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
A	BẢO LÃNH TRONG NƯỚC			
1	Phát hành bảo lãnh			
1.1	Phần ký quỹ (tiền ký quỹ không được hưởng lãi không kỳ hạn)	Miễn phí		
1.2	Phần không ký quỹ			
1.2.1	Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành	(Từ 0,07% đến 0,2%) /tháng	200.000 VNĐ	
1.2.2	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, Bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai, Bảo lãnh đối ứng, Xác nhận bảo lãnh (confirmed)	(Từ 0,1% đến 0,25%) /tháng	300.000 VNĐ	
1.2.3	Bảo lãnh thanh toán, Bảo lãnh thanh toán thuế, Bảo lãnh vay vốn, Bảo lãnh khác	(Từ 0,1% đến 0,3%) /tháng	500.000 VNĐ	
2	Các phí khác			
2.1	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của Khách hàng	Áp dụng như phát hành bảo lãnh + 100.000đ		
2.2	Tu chỉnh thư bảo lãnh (theo đề nghị của KH)			
2.2.1	Tu chỉnh tăng tiền, gia hạn thư bảo lãnh	Áp dụng như phát hành bảo lãnh đối với phần tăng.	200.000 VNĐ/lần	
2.2.2	Tu chỉnh khác	300.000 VNĐ/lần		
2.3	Xác thực bảo lãnh (tính chân thực)	Miễn phí		

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
2.4	Phát hành thư bảo lãnh bằng tiếng nước ngoài			
2.4.1	Bằng tiếng nước ngoài/song ngữ	Áp dụng như phát hành bảo lãnh + 200.000 VNĐ		
2.4.2	Nhiều hơn 2 ngôn ngữ nước ngoài	Áp dụng như phát hành bảo lãnh + Tối thiểu 500.000 VNĐ		
2.5	Cấp lại bảo lãnh (bản sao)	200.000 VNĐ/lần		
2.6	Hủy thư bảo lãnh (giải tỏa bảo lãnh)			
2.6.1	Hủy do bảo lãnh hết hiệu lực	Miễn phí		
2.6.2	Hủy do đề nghị của khách hàng/bên nhận bảo lãnh (giải tỏa bảo lãnh trước hạn)	Miễn phí		
2.7	Phí phát hành Văn bản cam kết phát hành Thư bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai			
2.7.1	Phát hành theo mẫu của SHB	0,05% x Giá trị cam kết	1.000.000 VNĐ	
2.7.2	Phát hành theo mẫu của Khách hàng	Thu thêm 1.000.000 VNĐ (ngoài phí Phát hành theo mẫu của SHB tại Mục 2.7.1 Phần A Phụ lục này)	2.000.000 VNĐ	
2.7.3	Xác thực Văn bản cam kết đã phát hành	Miễn phí		
2.7.4	Cấp lại Văn bản cam kết đã phát hành (Bản sao)	200.000 VNĐ/lần		
2.7.5	Sửa đổi Văn bản cam kết	Theo thỏa thuận	200.000 VNĐ/lần	

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
2.8	Phí phát hành Thư Cam kết thu xếp tài chính			
2.8.1	Phí phát hành Thư Cam kết đối với Khách hàng thuộc một trong các trường hợp: (i) KH đã được cấp tín dụng tại SHB và đang còn hiệu lực ¹ . (ii) KH thường xuyên phát sinh nhu cầu phát hành Thư Cam kết tại SHB ² , đồng thời ĐVKD đánh giá KH sẽ có nhu cầu cấp tín dụng tại SHB để thực hiện dự án/phương án liên quan đến Thư cam kết.			
-	Phát hành theo mẫu thư của SHB	0,05% x Giá trị cam kết	1.000.000 VNĐ	
-	Phát hành theo mẫu thư của Khách hàng	Thu thêm 1.000.000 VNĐ (ngoài phí Phát hành theo mẫu của SHB tại Mục 2.8.1 Phần A Phụ lục này)	2.000.000 VNĐ	
2.8.2	Phí phát hành Thư Cam kết đối với Khách hàng khác trường hợp quy định tại Mục 2.8.1 Phần A Phụ lục này			
-	Đối với Giá trị cam kết < 100 tỷ đồng	0,05% x Giá trị cam kết	2.000.000 VNĐ	
-	Đối với Giá trị cam kết ≥ 100 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	0,05% x Giá trị cam kết	10.000.000 VNĐ	
-	Đối với Giá trị cam kết ≥ 500 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	0,05% x Giá trị cam kết	50.000.000 VNĐ	
-	Đối với Giá trị cam kết ≥ 1.000 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng	0,05% x Giá trị cam kết	100.000.000 VNĐ	

¹ Thể hiện bằng tiêu chí: KH đã ký Hợp đồng tín dụng tại SHB và đang còn hiệu lực; hoặc KH đang có dư nợ tín dụng tại SHB.

² Thể hiện bằng tiêu chí: SHB đã phát hành tối thiểu 04 Thư cam kết cho KH trong 12 tháng gần nhất; hoặc ĐVKD đánh giá KH sẽ thường xuyên tham gia dự thầu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó sẽ thường xuyên có nhu cầu đề nghị SHB phát hành Thư cam kết (tối thiểu 04 Thư cam kết/năm).

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
-	Đối với Giá trị cam kết ≥ 2.000 tỷ đồng	0,05% x Giá trị cam kết	150.000.000 VNĐ	
2.8.3	Xác thực Thư cam kết	Miễn phí		
2.8.4	Cấp lại Thư cam kết (Bản sao)	200.000 VNĐ/lần		
2.8.5	Sửa đổi Thư cam kết	Theo thỏa thuận	200.000 VNĐ/lần	
2.9	Thông báo bảo lãnh của ngân hàng khác	300.000 VNĐ/lần		
2.10	Thông báo tu chỉnh bảo lãnh của ngân hàng khác	300.000 VNĐ/lần		
2.11	Thông báo hủy bảo lãnh của ngân hàng khác	300.000 VNĐ/lần		
2.12	Phí chuyển nhượng quyền thụ hưởng Bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai (thu Bên thực hiện chuyển nhượng, thu ngay khi phát sinh chuyển nhượng)	200.000 VNĐ/lần		
B	BẢO LÃNH NƯỚC NGOÀI: Áp dụng theo quy định tại Mục B -Biểu phí Bảo lãnh quốc tế tại Biểu phí D - Biểu phí sản phẩm dịch vụ Thanh toán quốc tế dành cho KHDN.			

Ghi chú:

1. Biểu phí này không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (VAT).
2. Biểu phí này có thể được thay đổi, chỉnh sửa theo quy định của SHB trong từng thời kỳ.